

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2023.

Về việc: "T/c về Ly hôn; Nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Trí;

2. Ông Trương Thành Tuấn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cù Thị Kim Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, AnG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 445/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Tổ 13, khóm HL, thị trấn AC, huyện C, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 13, khóm HL, thị trấn AC, huyện C, An Giang.

(Vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn G; Đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy D và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Chị Trần Thị Thúy D sống chung với anh Nguyễn Văn G từ năm 2010, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B (giấy đăng ký kết hôn số 74 ngày 09/12/2010). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong tình cảm vợ chồng, thường xuyên hay cãi nhau và không còn tôn trọng nhau, mặc dù đã rất nhiều lần hàn gắn và tạo cơ hội cho anh G sửa đổi nhưng không kết quả và đã sống ly thân đến nay.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N sinh ngày 28/10/2010 và Nguyễn Quốc Th sinh ngày 03/4/2013, hiện tại 02 cháu đang sống chung với anh G.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Thúy D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn G; Về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc Th và giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh G nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, chị Thúy D thay đổi yêu cầu, đồng ý giao 02 con chung cho anh G được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

* *Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn G thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Nguyễn Văn G có hộ khẩu thường trú tại 13, khóm HL, thị trấn AC, huyện C, An Giang; Tất cả các giấy tờ và Thông báo của Tòa án tổng đạt thì anh G và gia đình đều nhận trực tiếp nhưng vẫn không có mặt nên Tòa án thông qua Thừa phát lại thực hiện các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn G vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thúy D đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn G từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Thúy D xin được ly hôn với anh G. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Thúy D và anh G đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời anh Nguyễn Văn G để hòa giải cho anh, chị đoàn tụ nhưng anh G không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy D là được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Chị Trần Thị Thúy D thừa nhận 02 cháu Nguyễn Hoàng N sinh ngày 28/10/2010 và Nguyễn Quốc Th sinh ngày 03/4/2013 là con chung của chị và anh Nguyễn Văn G, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận cháu Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Quốc Th là con chung của chị Thúy D và anh G, đồng thời phía chị Trần Thị Thúy D đồng ý giao 02 con chung cho anh G nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh và chị không còn sống chung nữa thì các cháu đã sống chung với anh G đến nay và nguyện vọng của các cháu vẫn muốn giữ nguyên cuộc sống hiện tại, đồng thời phía anh G cũng không tranh chấp; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy D giao cháu Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Hoàng N cho anh Nguyễn Văn G tiếp tục chăm sóc. Ngoài ra, phía anh Nguyễn Văn G không yêu cầu chị Thúy D cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Trần Thị Thúy D có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy D là được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74 ngày 09/12/2010 do Ủy ban nhân dân xã B (huyện C, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Công nhận các cháu Nguyễn Hoàng N sinh ngày 28/10/2010 và Nguyễn Quốc Th sinh ngày 03/4/2013 là con chung của chị Trần Thị Thúy D và anh Nguyễn Văn G;

+ Giao 02 cháu Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Quốc Th cho anh Nguyễn Văn G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (hiện 02 cháu đang sống chung với anh G); Chị Trần Thị Thúy D không phải cấp dưỡng nuôi con, do không có yêu cầu.

+ Anh Nguyễn Văn G cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị Thúy D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

* *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Tự thỏa thuận.

* *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Chị Trần Thị Thúy D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003817 ngày 11/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, AnG; Được khấu trừ nên chị Trần Thị Thúy D đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AnG (1);
- VKSND H. Châu Thành (1);
- Chi cục THADS H. Châu Thành (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã B (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa